TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM ĐÀN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày 19 - 9 - 2022
V/v Kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lài.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Như Khôi.

Bà Lê Thị Hương

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Thế Anh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An*** *tham gia phiên toà*: Ông Văn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/TLST - DS, ngày 28 tháng 4 năm 2022; về "Kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST–DS, ngày 11 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-DS, ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị P, sinh năm 1956. Địa chỉ: Xóm LM2, xã KL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Xóm LM2, xã KL, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961. Địa chỉ: Xóm LM2, xã KL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Ông Đặng Đình T, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm LM2, xã KL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2022, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị P yêu cầu: Năm 2013, nguyên đơn có nói bán cho bà Nguyễn Thị T 01 bộ máy xay xát lúa với giá 8.000.000 đồng. Tại thời điểm đó bà T không nói là lấy hay không. Khi nguyên đơn ra Hà Nội thì gia đình bà Nguyễn Thị T đến lấy máy xay xát mà không có ai ở nhà. Sau đó ông Đặng Đình T đi họp về thấy đã lấy gần hết máy xay nên có gọi điện cho nguyên đơn. Nguyên đơn nghĩ là bà Nguyễn Thị T lấy máy để trừ vào nợ phường nên nguyên đơn đồng ý cho lấy máy và không hỏi gì từ đó đến nay. Ngày 27/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm về tranh chấp tiền phường với bà Nguyễn Thị T thì nguyên đơn phát hiện bà Nguyễn Thị T chưa trừ tiền nợ phường nên nguyên đơn không bán nữa mà yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả lại 01 bộ hệ thống máy xay xát lúa gồm 01 máy xát; 01 máy sàng; 01 máy bóc; 03 cầu giao điện; 02 mô tô ngoài máy; 01 mô mô tơ gắn cùng máy; 26m đường điện 3 pha; 01 đồng hồ 3 pha điện; 02 khối bê tông và tiền kinh doanh hàng tháng từ máy xay xát trong thời gian 8 năm là 192.000.000 đồng (mỗi tháng 2.000.000 đồng x 96 tháng = 192.000.000 đồng) và 08 tháng còn lại, mỗi tháng 500.000 đồng x 08 tháng = 4.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 196.000.000 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu đồng).

Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Năm 2013, bà Dương Thị P bán cho gia đình bị đơn một bộ máy xay xát với giá 8 triệu đồng. Số tiền này bị đơn đã trừ vào tiền phường dây ngày 07 và ngày 22 hàng tháng. Bị đơn khẳng định hệ thống máy xay xát đó do gia đình bị đơn mua với giá 8.000.000 đồng và đã trả số tiền này bằng cách bà Dương Thị P trừ nợ phường và đã chốt tiền phường cho bị đơn. Ông Đặng Đình T đã làm giấy chuyển nhượng đường điện cho gia đình bị đơn để sử dụng từ năm 2014 đến nay và trong giấy này có ghi rõ đã bán máy cho gia đình anh H. Bị đơn không chấp nhận việc bà Dương Thị P cho rằng gia đình bị đơn chưa trừ vào tiền phường nên đòi lại máy và bồi thường thiệt hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày: Thống nhất như ý kiến của bà Nguyễn Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Đình T trình bày: Hệ thống máy xay xát là tài sản chung của ông và bà Dương Thị P. Năm 2013, gia đình ông không có nhu cầu sử dụng máy xay xát nên có ý định bán. Bà Dương Thị P là người trao đổi và thỏa thuận bán với giá 8.000.000 đồng, sau đó có nói lại với ông Đặng Đình T. Ông Đặng Đình T không có ý kiến gì về việc mua bán. Khi gia đình ông Nguyễn Văn H đến lấy máy, ông Đặng Đình T có gọi điện cho

bà Dương Thị P thì bà Dương Thị P nói họ lấy để trừ tiền phường nên để họ lấy. Sau đó ông Đặng Đình T đã viết giấy chuyển nhượng đường điện cho gia đình ông Nguyễn Văn H vì đã bán máy và không sử dụng đường điện này. Ông Đặng Đình T không biết bà Nguyễn Thị T và bà Dương Thị P đã thanh toán tiền phường với nhau hay chưa. Ông Đặng Đình T không đồng ý việc bà Dương Thị P khởi kiện đòi lại máy xay xát vì máy này đã bán. Hai bên nên hòa giải để trả số tiền theo thỏa thuận mua máy.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tống đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự theo quy định từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 26; Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 223, 238 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề xuất: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng theo quy định.

Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Dương Thị P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T cư trú tại xã KL, huyện Nam

Đàn, tỉnh Nghệ An trả lại hệ thống máy xát và tiền kinh doanh hàng tháng từ máy xay xát trong thời gian 08 năm 08 tháng nên đây là tranh chấp kiện đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Đình T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã có lời khai tại hồ sơ vụ án nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận: Năm 2013, nguyên đơn có trao đổi, thỏa thuận miệng về việc bán cho bà Nguyễn Thị T 01 hệ thống máy xay xát với giá 8.000.000 đồng và để trừ vào tiền nợ phường cho nguyên đơn. Đây là vấn đề không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, giữa gia đình nguyên đơn và gia đình bị đơn đã có sự giao kết, thỏa thuận miệng về việc mua bán tài sản là hệ thống máy xay xát. Sự thỏa thuận miệng này đảm bảo các nội dung của hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại các Điều 385, 386, 387, 398, 400, 430, 431, 432 và 433 của Bộ luật Dân sự. Mặc dù, bà Nguyễn Thị T không khẳng định có mua hay không nhưng khoảng tháng 10/2013, gia đình bà Nguyễn Thị T đã đến lấy hệ thống máy xay xát, bà Dương Thị P và ông Đặng Đình T biết và đã đồng ý để gia đình bà Nguyễn Thị T lấy. Tại Giấy chuyển nhượng hợp đồng sử dụng điện xay xát, ông Đặng Đình T ghi rõ đã bán máy xay xát cho ông H. Bà Dương Thị P thừa nhận không ký nhưng biết việc chuyển nhượng đường điện cho ông H. Vì vậy, quyền sở hữu tài sản của bà Nguyễn Thị T được xác lập thông qua hợp đồng mua bán tài sản và quyền sở hữu tài sản của bà Dương Thị P, ông Đặng Đình T chấm dứt kể từ thời điểm gia đình bà Nguyễn Thị T lấy hệ thống máy xay và gia đình bà Dương Thị P đồng ý chuyển giao theo quy định tại Điều 223 và Điều 238 Bộ luật Dân sự.

Bà Dương Thị P thừa nhận: Kể từ thời điểm gia đình bị đơn lấy máy về sử dụng cho đến năm 2021, nguyên đơn không có ý kiến gì vì nghĩ bà Nguyễn Thị T đã trừ tiền phường. Như vậy, việc mua bán tài sản đã được thực hiện xong, bà Nguyễn Thị T đã xác lập quyền sở hữu tài sản kể từ thời điểm đưa hệ thống máy xay xát về sử dụng. Nghĩa vụ trả tiền được thỏa thuận là trừ vào tiền phường. Trường hợp nguyên đơn có căn cứ chứng minh bà Nguyễn Thị T chưa trừ vào tiền phường để thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua máy thì có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị T thanh toán số tiền mua theo thỏa thuận và tiền lãi chậm trả theo

quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự. Mặt khác, ngoài việc thỏa thuận số tiền mua, hình thức thanh toán thì hai bên không thỏa thuận việc vi phạm nghĩa vụ trả tiền thì buộc phải trả lại tài sản đã mua. Bà Nguyễn Thị T là người chiếm hữu tài sản có căn cứ pháp luật nên nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản vì lý do chưa trừ vào tiền phường (tức vi phạm nghĩa vụ) là không có căn cứ chấp nhận.

Hệ thống máy xay xát là tài sản chung của ông Đặng Đình T và bà Dương Thị P. Nguyên đơn khẳng định khởi kiện đòi lại máy xay xát do bị đơn chưa trừ vào tiền phường, không khởi kiện hợp đồng mua bán tài sản để lấy số tiền đã bán. Ông Đặng Đình T khẳng định hệ thống máy xay xát đã bán cho gia đình bà Tài và yêu cầu xem xét nếu chưa trừ tiền phường thì hai bên hòa giải để trả tiền theo thoả thuận, không yêu cầu đòi lại máy xay xát nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ trả tiền trong việc mua bán tài sản. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền thì có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện thành một án dân sự khác.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả lại 01 bộ hệ thống máy xay xát lúa gồm 01 máy xát; 01 máy sàng; 01 máy bóc; 03 cầu giao điện; 02 mô tô ngoài máy; 01 mô mô tơ gắn cùng máy; 26 m đường điện 3 pha; 01 đồng hồ 3 pha điện; 02 khối bê tông và tiền kinh doanh hàng tháng từ máy xay xát trong thời gian 08 năm 08 tháng với tổng số tiền 196.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nhưng nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

[4]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp. Tổng chi phí hết 2.000.000 đồng. Do yêu cầu không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí trên. Nguyên đơn đã nộp đủ chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 223, 238, 385, 386, 387, 398, 400, 430, 431, 432, 433 và 440 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 156, 157, 164, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị P về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả lại 01 bộ hệ thống máy xay xát lúa gồm 01 máy xát; 01 máy sàng; 01 máy bóc; 03 cầu giao điện; 02 mô tô ngoài máy; 01 mô mô tơ gắn cùng máy; 26 m đường điện 3 pha; 01 đồng hồ 3 pha điện; 02 khối bê tông và tiền kinh doanh hàng tháng từ máy xay xát trong thời gian 08 năm 08 tháng là 196.000.000 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu đồng).

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Dương Thị P.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Dương Thị P phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền chi phí tố tụng. Bà Dương Thị P đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự
- Lưu HSVA; VPTA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lài